

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **44/2022/DS-ST**

Ngày: 13/5/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thu Yến.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 21/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-DS ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 232 ấp Bình P, xã Tân Mỹ C1, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1979. Theo Giấy ủy quyền ngày 24/02/2021 (có mặt).

Địa chỉ: 246/24 Hòa H, Phường mười ba, Quận mười, TP.Hồ Chí Minh.

**2- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Bình P, xã Tân Mỹ C1, TP.MT, Tiền Giang.

**3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Bình P, xã Tân Mỹ C1, TP.MT, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/02/2021 của bà C và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim C là anh Nguyễn Trung T đều trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ có tổ chức các dây hội. Bà Nguyễn Thị Kim C có tham gia các dây hội do bà Đ làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 25/5/2019 (ÂL) (là ngày 27/6/2019 dương lịch) 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần, tháng khai 2 lần vào ngày 25 và mừng 10 ÂL, hội mãn vào ngày 25/9/2020 ÂL. Bà C (3 Hòa) tham gia 01 phần, bà C đã đóng hội đến kỳ thứ 27, với số tiền 24.480.000 đồng thì bà Đ tuyên bố bế hội. Đồng thời trong dây hội này bà Đ kêu bà C mua 01 phần hội với số tiền bao nhiêu bà C không nhớ vì đã lâu, nhưng khi bế hội bà Đ xác nhận phần này bà Đ còn nợ bà C 31.900.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, còn lại là 31.400.000 đồng. Sau khi đối chiếu bà Đ có ký xác nhận 01 phần chơi hội bà Đ còn nợ bà C 27.000.000 đồng và 01 phần bà C mua hội là 31.900.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2021, bà C yêu cầu lấy lại tiền vốn gốc đã đóng theo giấy “Vợ 3 Hòa giao hội ngày 25/5AL/2019” là 24.480.000 đồng, trừ đi 500.000 đồng tiền huê hồng, còn lại là 23.980.000 đồng và số tiền mua hội là 31.900.000 đồng trừ đi 500.000 đồng tiền huê hồng, còn lại 31.400.000 đồng. trừ đi 3.000.000 đồng tiền hội chết của dây hội khác mà bà C còn thiếu bà Đ. Tổng cộng tiền bà C yêu cầu:  $23.980.000đ + 31.400.000đ - 3.000.000đ = 52.380.000$  đồng

- Dây hội ngày 30/11/2018 (ÂL) (nhằm ngày 05/01/2019 dương lịch) 2.000.000 đồng, tháng khai 01 lần vào ngày 30ÂL, gồm 25 phần, mãn vào ngày 30/10/2020 (ÂL). Bà C (vợ Hòa) tham gia 01 phần đóng hội đến kỳ thứ 20 thì bà Đ tuyên bố bế hội, phần hội này bà C không nhớ đóng hội bao nhiêu, vì thời gian quá lâu, nhưng khi bế hội bà Đ xác nhận phần này còn nợ bà C 40.000.000 đồng. Bà C yêu cầu bà Đ trả số tiền 40.000.000 đồng theo bảng chốt nợ của bà Đ ghi.

Nay bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà C số tiền nợ hội gốc còn thiếu là 92.380.000 đồng và yêu cầu bà Đ trả tiền lãi từ ngày 05/8/2020 cho đến khi xét xử, lãi suất 0,833%/tháng, tạm tính đến ngày 05/12/2021 là 16 tháng, với số tiền lãi là 12.312.406 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 104.962.406 đồng.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Đ vẫn không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà C và bà Đ, ông Trình đều vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại bản tự khai ngày 10/6/2021 ông T1 trình bày: Ông là chồng của bà Đ, bà Đ làm chủ hội, bà C là hội viên, bà Đ thiếu nợ hội của bà C, ông không biết bà Đ sử dụng tiền của hội viên làm gì, chứ không sử dụng chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, nên ông không có nghĩa vụ cùng bà Đ trả nợ.

Tại phiên tòa, anh T trình bày: Bà C yêu cầu bà Đ trả cho bà C số tiền hội của dây hội (1.000.000 đồng) do bà C tham gia là 24.480.000 đồng và tiền mua hội 31.400.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng bà C đã đóng được 20 kỳ là 40.000.000 đồng, trừ đi 3.000.000 đồng bà C thiếu bà Đ của dây hội khác. Tổng

cộng 92.880.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông T1.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ theo tờ danh sách hội 02 triệu 30/11/2018, khai ngày 30 ÂL mỗi tháng, thể hiện vợ Hòa có tham gia 1 phần. Anh T trình bày do thời điểm khai hội là chuẩn bị bước qua năm 2019, nên bà C ghi đây hội 30/11/2019, chứ thực tế là 30/11/2018. Bà C đóng được 20 kỳ là 40.000.000 đồng.

Tờ hội khai ngày 25/5ÂL/2019 1 triệu tháng, khai 2 lần 25 và mừng 10ÂL, tổng cộng 35 phần, thể hiện 3 Hòa có tham gia 1 phần, bà C hót: 34 phần x 720 = 24.480.000 đồng trừ huê hồng 500.000 đồng, còn lại 23.980.000 đồng, bà Đ ghi chủ hội lãnh (bút lục 136).

Tại giấy chốt hội bà Đ ghi đây hội M10+25, (27 phần chết x 1000 = 27.000.000 đồng) + (7 sống x 700 = 4.900.000 đồng) – huê hồng 500.000 đồng, phần giao 31.400.000 đồng.

Phần vô 27 phần x 1000 = 27.000.000 đồng.

Dây 30 tới 30/5: 20 phần chết x 2000 = 40.000.000 đồng.

Tổng cộng: 98.400.000 đồng – 3.000.000 đồng (bà C phải đóng hội của dây khác cho bà Đ). Còn lại 95.400.000 đồng.

Phần cuối trang ghi chưa giao tiền.

Nhưng nay tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà C chỉ yêu cầu bà Đ trả cho bà C 92.880.000 đồng (trong đó đây hội bà C tham gia 24.480.000 đồng và mua 1 phần là 31.400.000 đồng, đây hội 02 triệu đồng là 40.000.000 đồng trừ đi 3.000.000 đồng do bà C còn nợ lại bà Đ của dây hội khác), không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, tại đơn xin xác nhận ngày 17/02/2022 thể hiện Ba H, Vợ Ba H, Vợ H là cùng một người là bà Nguyễn Thị Kim C (bút lục 99).

Bà Đ thì không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà C và vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ theo Giấy chốt nợ (bút lục 135) thể hiện bà Đ chưa giao tiền hội cho bà C là vi phạm nghĩa vụ của người làm chủ hội, ảnh hưởng đến quyền lợi của

bà C. Nay bà C chỉ yêu cầu bà Đ phải trả tiền hui cho bà C 92.880.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà C không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 92.880.000 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 4.644.000 đồng (92.880.000 đồng x 5%). Hoàn lại cho bà C số tiền 2.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền hui 92.880.000 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Đ chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 4.644.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 2.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005539 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

**3.** Bà Nguyễn Thị Kim C được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi Cục THA dân sự TP.MT;
- Các đương sự:
  - + Bà Nguyễn Thị Kim C;
  - + Bà Nguyễn Thị Đ;
  - + Ông Nguyễn Văn T1;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đinh Thị Sang**